

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT ngày 26/04/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Nước Trong;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021.
3. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
4. Kết quả SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
- *Kết quả SXKD năm 2021.*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021
1	Doanh thu	Triệu đồng	87.081,52	105.071,37
2	Chi phí	Triệu đồng	59.103,25	60.425,43
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	27.988,28	44.645,94
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.409,41	2.268,74
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	26.578,86	42.377,20

- *Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2021.*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	11.600,72
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Triệu đồng	42.377,20
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2021 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	4.237,72
	Trong đó:		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	2.118,86
	- Quỹ đầu tư phát triển $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	2.118,86
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	49.740,20
5	Thưởng vượt kế hoạch LNST năm 2021 cho HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty $(5\% * LNST \text{ vượt Kế hoạch})$ theo NQ.ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	Triệu đồng	780
6	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		30%
7	Số tiền cổ tức của năm 2021 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	32.406,16
8	Lợi nhuận sau thuế còn lại $\{(8)=(4)-(5)-(7)\}$	Triệu đồng	16.554,04

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để thanh toán cổ tức cho cổ đông.

5. Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2022.

- Kế hoạch SXKD năm 2022.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
1	Doanh thu	Triệu đồng	93.110,24
2	Chi phí	Triệu đồng	56.439,66
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	36.670,57
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.861,03
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	34.809,54

- Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2022.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế năm trước chuyển sang	Triệu đồng	16.554,04
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	Triệu đồng	34.809,54
3	Trích lập các quỹ 10% trên LNST năm 2022 $\{(3)=(2)*10\}$	Triệu đồng	3.480,95
	Trong đó:		
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	1.740,48
	- Quỹ đầu tư phát triển $(5\%*LNST)$	Triệu đồng	1.740,48
4	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau trích quỹ $\{(4)=(1)+(2)-(3)\}$	Triệu đồng	47.882,63
5	Tỷ lệ cổ tức / mệnh giá cổ phần		30%
6	Số tiền cổ tức của năm 2022 chi trả bằng tiền	Triệu đồng	32.406,16
7	Lợi nhuận sau thuế còn lại $\{(7)=(4)-(6)\}$	Triệu đồng	15.476,47

Trường hợp năm 2022 lợi nhuận sau thuế vượt hơn so với kế hoạch, thống nhất thưởng cho HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty với mức trích thưởng tối đa bằng 10% của phần lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch.

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

6. Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:

Chức vụ	ĐVT	Mức Lương chuyên trách/thù lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
I- Hội đồng quản trị			
Chủ tịch HĐQT	Đồng	30.000.000	Lương chuyên trách (Người đại diện pháp luật của Công ty)
Thành viên HĐQT	Đồng	8.000.000	

Chức vụ	ĐVT	Mức Lương chuyên trách/thù lao (đồng/người/tháng)	Ghi chú
II- Ban kiểm soát			
Trưởng Ban kiểm soát	Đồng	12.000.000	(Lương chuyên trách)
Thành viên BKS	Đồng	3.000.000	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN CAO

